



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 44 (từ 29/10 – 02/11/2018)



ĐIỂM TIN

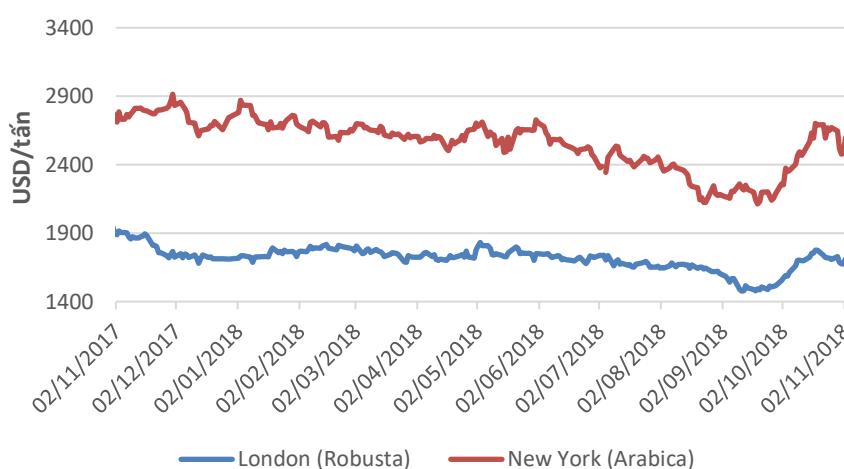
Giá cà phê Robusta tuần này giảm 1,4% so với tuần trước

Giá cà phê Arabica tuần này giảm 4,2% so với tuần trước

Giá cà phê diễn biến hỗn hợp khó dự báo trước tình hình chính trị phức tạp trên thế giới tác động đến ngành hàng này.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.695,8 USD/tấn, giảm 1,4% so với tuần trước và thấp hơn 11,9% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.729 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.675 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.545 USD/tấn, giảm 4,2% so với tuần trước và thấp hơn 7,5% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong



tuần đạt 2.646,6 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.478 USD/tấn [1].

Giá cà phê robusta và arabica đều giảm trong tuần qua. Theo thông tin từ Hiệp hội Cà phê Nam Phi (Scasa), giá cà phê arabica sụt giảm do các nhà đầu cơ và quỹ trên sàn New York bán ròng liên tiếp sau quãng thời gian mua vào liên tục mặc dù dự báo nguồn cung toàn cầu có thể dư thừa. Ngoài ra, trước thực tế đồng Real Brazil tiếp tục tăng thêm 0,37%, lên mức 1 USD đổi được 3,692 Real, nông dân Brazil tăng bán trở lại do lo ngại tỷ giá hối đoái sẽ mạnh thêm, đồng nghĩa với việc nông dân sẽ thu về ít nội tệ hơn. [2]

Theo giới quan sát, giá cà phê kỳ hạn trên cả hai sàn vẫn sẽ tiếp tục xu hướng tiêu cực trong những ngày tới cho đến khi sàn New York đáo hạn quyền chọn của hợp đồng tháng 12. [4]

Trước tình hình giá cà phê diễn biến tiêu cực, ông Emmanuel Iyamulemye, giám đốc Cơ quan Phát triển ngành cà phê Uganda lo ngại thu nhập của người dân trồng cà phê nước này sẽ bị ảnh hưởng nặng nề, khiến họ không còn động lực để chăm sóc cây. [4]

Trong tuần qua, Viện Cà phê Quốc gia tại Honduras (IHCAFE) cho biết trong tháng 10, sản lượng cà phê xuất khẩu tăng 91% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 99.509 bao. Mặc dù phần lớn số cà phê xuất khẩu đến từ vụ trước, song vụ mùa mới đang đến, nhiều cây cà phê trưởng thành bắt đầu cho thu hoạch nên ước tính, tổng lượng xuất khẩu cà phê năm nay của quốc gia này sẽ tăng 13%, đạt xấp xỉ 8,15 triệu bao. [2]



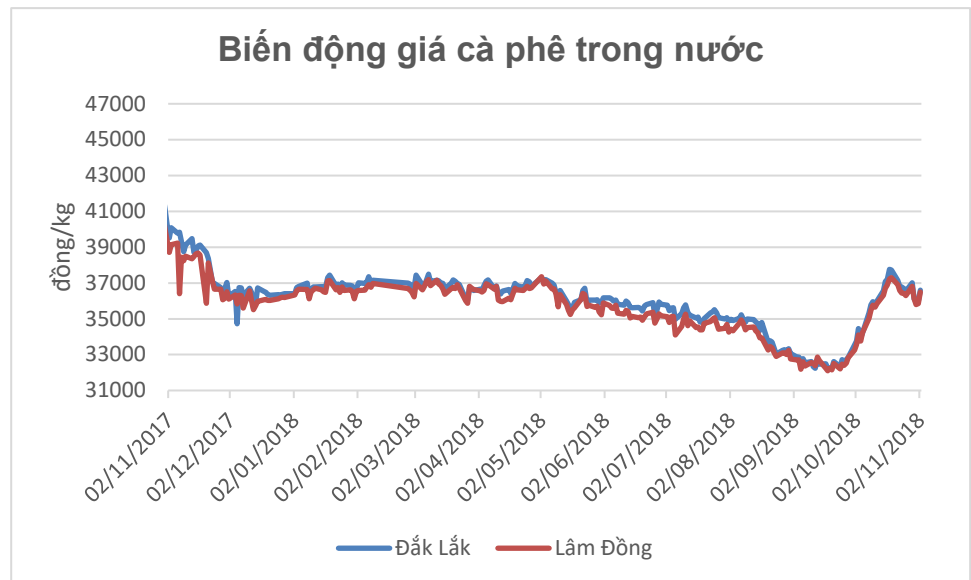
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục giảm nhẹ so với tuần trước.

Giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm 1,5% so với tuần trước xuống còn 1.576 USD/tấn.

Agroinfo nhận định giá cà phê trong thời gian tới khó có thể tăng lên.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Nối tiếp xu hướng tuần trước, giá cà phê trong nước tuần này tiếp tục giảm nhẹ. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 36.350 đồng/kg, giảm 460 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 15,7% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 300 đồng so với tuần trước, xuống còn 36.200 đồng/kg, và thấp hơn 14,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này giảm 1,5% so với tuần trước xuống còn 1.576 USD/tấn và vẫn thấp hơn 7,3% so với cùng kỳ năm 2017 [5].

Mặc dù giá trung bình giá cà phê tuần này giảm so với tuần trước, song đến những ngày cuối tuần, giá đã chứng lại, tăng nhẹ so với đầu tuần, dao động ở mức 36.500 – 36.700 đồng/kg. Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), giá cà phê khó phục hồi trong thời gian tới do hai nguyên nhân chính: sản lượng cà phê thế giới được mùa ở Brazil, Việt Nam và các nước sản xuất cà phê lớn khác như Colombia, Ấn Độ, Indonesia, đồng thời cục Dự trữ liên bang Mỹ tăng lãi suất cơ bản đồng USD dẫn đến đồng tiền này mạnh so với đồng tiền của các nước xuất khẩu lớn, trong khi cà phê giao dịch trên thị



trường thế giới định giá bằng USD, nên dẫn đến sức ép giảm giá cà phê.[6]

Theo Trung tâm Thông tin, viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT (Agroinfo), giá cà phê trung bình tháng 10 tại Đắk Lắk và Lâm Đồng tăng tương ứng 10,68% và 10,45% so với tháng trước, lên mức 36.000 và 35.760 đồng/kg. Giá cà phê trong nước biến động tỷ lệ thuận với diễn biến giá cà phê quốc tế. Một trong những nguyên nhân chính là sự mua vào tích cực của các quỹ đầu cơ ngắn hạn cùng với sự phục hồi đồng Real của Brazil. Tuy nhiên, trước những thay đổi phức tạp trong thương mại quốc tế giữa các quốc gia lớn như Mỹ và Trung Quốc, giá cà phê sẽ biến động đảo chiều trong tháng tới. Đặc biệt khi Việt Nam bước vào chính vụ thu hoạch thì giá cà phê sẽ rất khó có thể tăng lên. [8].

Theo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, vừa qua UBND tỉnh Lâm Đồng đã quyết định phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh. Trong đó, cà phê là 1 trong 11 ngành hàng thuộc lĩnh vực trồng trọt được tỉnh Lâm Đồng lựa chọn. Đây là tin vui đối với người dân trồng cà phê của tỉnh, triển vọng giúp bà con tiếp cận được nhiều hơn với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong việc canh tác cây cà phê. [9]

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn
- [10]. Vinanet.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	37.133	36.033	36.033	35.967	36.533	-567
Ea H'leo (xô vối)	37.067	36.000	35.967	35.967	36.767	-580
Krông Năng (xô vối)	36.933	36.167	35.967	35.967	36.533	-373
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	37.500	36.300	36.400	36.300	36.900	-560
Ea H'leo (xô vối)	37.400	36.300	36.200	36.200	37.000	-640
Krông Năng (xô vối)	37.100	36.300	36.100	36.100	36.700	-387
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	36.667	35.833	35.367	35.567	36.067	-507
Di Linh (xô vối)	36.500	35.900	35.500	35.500	36.200	-367
Lâm Hà (xô vối)	37.300	36.600	36.500	36.500	37.200	-70
Đà Lạt (xô chè)	52.667	49.667	48.667	49.000	54.000	-1733
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	37.167	36.333	35.867	36.067	36.567	-507
Di Linh (xô vối)	37.000	36.400	36.000	36.000	36.700	-393
Lâm Hà (xô vối)	37.700	37.100	37.000	37.000	37.700	-150
Đà Lạt (xô chè)	53.667	50.667	49.667	50.000	55.000	-1733
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	36.850	36.250	36.200	36.200	36.750	-360
Đắk R'lấp (xô vối)	36.833	35.933	35.833	35.933	36.633	-227
Đắk Song (xô vối)	36.950	36.050	35.950	36.050	36.750	-240
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	37.150	36.550	36.500	36.500	37.000	-400



Đắk Lắk (xô vối)	37.133	36.267	36.133	36.233	36.967	-233
Đắk Song (xô vối)	37.300	36.400	36.300	36.350	37.100	-220
Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	36.900	35.900	35.900	35.900	36.600	-233
Pleiku (xô vối)	37.000	36.000	36.000	36.000	36.667	-187
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	37.400	36.467	36.467	36.467	37.167	-193
Pleiku (xô vối)	37.567	36.600	36.600	36.600	37.300	-167
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36.700	35.800	35.700	35.700	36.300	-400
Đắk Hà (xô vối)	36.650	35.850	35.650	35.650	36.250	-390
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36.800	36.000	35.800	36.400	36.400	-260
Đắk Hà (xô vối)	36.800	36.000	35.800	35.800	36.400	-380

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

